

Bản án số: 86/2021/HS-PT
Ngày: 01-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt; Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 69/2021/TLPT-HS ngày 06 tháng 8 năm 2021 đối với các bị cáo Nguyễn Đặng Khắc B, Nguyễn Văn G do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2021/HS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre.

Các bị cáo đồng thời cũng là bị hại trong vụ án này có kháng cáo:

1. **Nguyễn Đặng Khắc B** (C), sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp L, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Đặng Thị H; vợ: Nguyễn Thị Thu N; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/3/2021 đến ngày 27/4/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn: bảo lãnh; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/5/2021 cho đến nay; bị cáo tại ngoại, có mặt;

2. **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1979 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp L, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Bé H; vợ: Phan Thị G (đã ly hôn); có một người con sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/3/2021 đến ngày 27/4/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn: bảo lãnh; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/5/2021 cho đến nay; bị cáo tại ngoại, có mặt;

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn G : Luật sư Trương Văn T - Văn phòng luật sư Trương Văn T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02/2020, Nguyễn Đăng Khắc B mượn Nguyễn Văn G số tiền 45.000.000 đồng, G gọi điện nhiều lần đòi tiền nhưng B nói không đủ khả năng trả hết một lần mà chỉ có thể trả nhiều lần, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng; G không đồng ý việc B trả theo hàng tháng nên hai bên xảy ra mâu thuẫn cự cãi nhau trong lúc nói chuyện điện thoại. Khoảng 19 giờ ngày 15/5/2020, G gọi điện thoại cho B đòi tiền nhưng B không chịu trả mà có lời lẽ thách thức G “Tháng trả hai triệu, không chịu không trả con cặc, muốn làm gì làm”. Do bức tức, khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, G điều khiển xe mô tô biển kiểm soát xxHx-xxxx đến nhà B ở ấp L, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre để hỏi B tại sao không trả tiền mà còn có lời lẽ thách thức. Khi đi, G đem theo một con dao để trên ba ga xe để sử dụng đánh nhau với B. Đến nơi, G dựng xe ngoài lộ nhựa rồi xuống xe lấy dao cầm trên tay; lúc này B từ nhà ông Đặng Quang Th cách nhà B 13,6m thấy G đến có cầm dao nên chạy về nhà lấy đoạn kim loại, G dùng dao xông vào chém B. Trong lúc đánh nhau ở khu vực nhà tiền chế của gia đình B, B dùng đoạn kim loại đánh về phía G, G đưa tay trái đỡ rồi dùng tay phải cầm dao chém từ trên xuống vào người B, B đưa tay trái lên đỡ nên bị thương tích lòng bàn tay trái. Sau khi bị thương tích, B quăng bỏ đoạn kim loại rồi lấy con dao (dạng kiếm Nhật) chém lại G; G vừa chém lại B vừa lùi được một đoạn 38m đến ngã ba thì được bà Đặng Thị H (mẹ B) can ngăn cả hai nhưng không được. B tiếp tục cầm dao chém G, G vừa chém lại B vừa lùi trên mặt lộ nhựa đường Đê Quốc Phòng được 44,3m bị B chém trúng vào tay phải làm G bị thương tích và rút dao đang cầm trên tay. Sau đó, B tiếp tục dùng dao chém vào người G gây thương tích cẳng tay phải, cổ bàn tay trái, trán trái; đến khi G té ngã nằm bất tỉnh trên lộ Đê Quốc Phòng thì B dừng lại đi về.

Vật chứng thu giữ: 01 đoạn kim loại dài 0,97m, đường kính 2,5cm; 01 xe mô tô hiệu Click, màu đen biển kiểm soát 84H6-1142; 01 con dao dài 32,5cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, mũi nhọn, dài 21,5cm; cán dao bằng gỗ màu đỏ, dài 11cm, đường kính 03cm; đầu và đuôi cán dao có khoen kim loại màu vàng; phần cuối cán dao có vết đứt bờ mép sắt gọn, vết đứt dài 2,5cm do ông Nguyễn Văn M nhặt được ngay sau khi xảy ra vụ án và đem giao nộp; 01 con dao dài 61cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, mũi nhọn, chiều dài 43,5cm, nơi rộng nhất 04cm, phần lưỡi dao tiếp giáp với cán dao rộng 3,4cm; cán dao bằng gỗ màu đen dài 17,5cm, đường kính 3,5cm do Nguyễn Đăng Khắc B giao nộp; Chết màu nâu nghi máu thu giữ lúc khám nghiệm hiện trường.

Hiện trường vụ án xảy ra tại nhà Nguyễn Đăng Khắc B ở ấp L, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre: hiện trường cụ thể tại khu vực từ nhà tiền chế kéo dài ra lộ trước nhà tiền chế đến đoạn lộ Đê quốc phòng; hiện trường ghi nhận hai vùng vết màu nâu dạng

nhỏ giọt (nghi máu). Cụ thể: vùng có nhiều vết màu nâu dạng nhỏ giọt thứ nhất nằm trên nền xi măng trong nhà tiền chế, có kích thước dài 3,2m, rộng 2,3m, tâm vùng cách mép lộ nhựa trước nhà tiền chế 2,6m, cách nhà bà Đặng Thị H 4,3m; vùng vết màu nâu dạng nhỏ giọt thứ hai nằm trên mặt nhựa lộ Đê Quốc phòng, có kích thước dài 10m, rộng 1,9m; từ tâm vùng vết màu nâu thứ nhất đo đến cuối vùng vết màu nâu thứ hai là 133,4m.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 180-720/TgT ngày 15/7/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích của Nguyễn Văn G như sau:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương trán trái từ gần chân tóc đến chân mày trái dài 05cm sâu 0,5cm đã lành sẹo, kích thước 07cm x 0,1cm.

- Tay phải: vết thương ngón III, đứt gân lìa ngón III; Phẫu thuật: khâu nối lại ngón III; Hiện: Vết thương lành sẹo kích thước 10cm x 0,1cm; cứng các khớp liên đốt ngón III.

- Tay trái: vết thương chéo mặt trước - trong cổ - bàn tay trái kích thước 10cm x 03cm gây: đứt bó mạch + thần kinh trụ; đứt gân gấp cổ tay trụ, gân gấp nông sâu các ngón III, IV, V, gân gấp cổ tay trụ; Hiện: vết thương lành sẹo, kích thước 11cm x 0,3cm, bàn tay hồng; bàn tay gấp - duỗi; sấp - ngửa được; tê mặt lòng ngón IV, V bàn tay trái; ngón IV, V bàn tay trái không gấp - duỗi được bàn tay vuốt trụ.

- Vết thương ngón mặt ngoài ngay khớp đốt bàn - ngón IV bàn tay trái dài 04cm, đứt xương ngón V; Hiện: vết thương lành sẹo, kích thước 06cm x 0,1cm; ngón V không gấp - duỗi được.

- Vết thương “S61.0 - vết thương hở các ngón tay không tổn thương móng (vết thương ngón III tay phải); S69.7 - đa thương cổ tay và bàn tay (vết thương cổ tay trái đứt bó mạch thần kinh trụ, gân gấp cổ tay trụ, gân gấp sâu ngón III, IV, V tay trái; S01.8 - vết thương hở của các phần khác của đầu (vết thương trán trái)” được ghi nhận trong giấy chứng nhận thương tích số 559/CN-BVCR ngày 09/6/2020 của Nguyễn Văn G là do tác động của ngoại lực; cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc - nhọn gây ra.

- Chiều hướng: Vết thương trán: từ trên xuống, từ ngoài vào trong, từ trước ra sau; Vết thương ngón III: không xác định; Vết thương cổ tay trái: không xác định; Ngón V: không xác định.

Hung khí có đặc điểm: 01 (một) con dao dài 61cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 43,5cm, nơi rộng nhất 04cm, nơi hẹp nhất 3,4cm, mũi nhọn có thể gây ra thương tích.

2. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là: 46% (bốn mươi sáu phần trăm)”.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích (bổ sung) số 243-920/TgT ngày 17/9/2020, Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre kết luận bổ sung tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích của Nguyễn Văn G như sau:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Bó bột cẳng bàn tay phải.

+ Xquang cẳng bàn tay phải: gãy 1/3 giữa xương trụ phải chưa có cal xương: 10% (mười phần trăm).

+ Phẫu thuật: kết hợp xương trụ phải bằng nẹp Vis.

+ Hiện: Vết mổ lành sẹo kích thước: 09cm x 0,1cm: 02% (hai phần trăm); Xương lành thẳng trục; Bàn tay gấp duỗi B thường.

Vết thương “gãy kín 1/3 giữa xương trụ phải” được ghi nhận trong Giấy chứng nhận thương tích số 45/CNTT20-BV ngày 03/8/2020 của Nguyễn Văn G do Bệnh viện Quân Y 120, Cục Hậu cần Quân khu 9 cấp là do vật tày gây ra; Chiều hướng tác động: không xác định.

Hung khí có đặc điểm: 01 (một) con dao dài 61cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 43,5cm, nơi rộng nhất 04cm, nơi hẹp nhất 3,4cm, mũi nhọn có thể gây ra (đánh bằng sóng lưng con dao).

2. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là: 12% (mười hai phần trăm).

Tại Công văn số 114-920/PY-GĐTH ngày 01/10/2020, Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre kết luận tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể hai lần giám định của Nguyễn Văn G là: 52% (năm mươi hai phần trăm) áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 5270/C09B ngày 23/10/2020, Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh giám định lại và kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích của Nguyễn Văn G là 52%.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 181-720/TgT ngày 15/7/2020, Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích của Nguyễn Đăng Khắc B như sau:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương mặt lòng bàn tay trái phức tạp, kích thước 08cm x 06cm dọc từ mặt lòng ngón V đến gần nếp gấp cổ tay gây:

+ Gãy hở chỏm xương bàn ngón IV, một phần đứt gần ngón IV.

+ Xquang bàn tay trái: gãy chỏm xương bàn ngón IV nền xương đứt gần ngón IV.

- Phẫu thuật: kết hợp xương gãy chỏm xương bàn ngón IV bằng kim.

- Hiện: vết thương lành sẹo, kích thước 08cm x 0,2cm.

Thương tích “Vết thương bàn tay trái - gãy hở chỏm xương bàn IV, một phần đứt gần ngón IV - đứt gân gấp ngón IV” được ghi nhận trong giấy chứng nhận thương tích số 605/CN-BVMĐ ngày 13/6/2020 của Nguyễn Đăng Khắc B do Bệnh viện Đa khoa

Mình Đức, tỉnh Bến Tre cấp là do tác động của ngoại lực; cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc - nhọn gây ra; chiều hướng: không xác định.

Hung khí có đặc điểm: một con dao dài 32,5cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 21,5cm, nơi rộng nhất 3,5cm, nơi hẹp nhất 2,5cm, mũi nhọn; cán dao bằng gỗ màu đỏ dài 11cm, đường kính 03cm có thể gây ra thương tích.

2. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 12% (mười hai phần trăm).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 4870/C09B ngày 06/10/2020, Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh giám định lại và kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích của Nguyễn Đặng Khắc B là 12%.

Tại Biên bản thực nghiệm điều tra lập ngày 05/3/2021 xác định: vị trí G dùng dao chém B gây thương tích là trong nhà tiền chế của Nguyễn Đặng Khắc B (tương ứng với vùng vết màu nâu thứ nhất được ghi nhận trong Biên bản khám nghiệm hiện trường); tư thế: G đứng đối diện cầm dao bằng tay phải chém theo hướng từ trên xuống, từ trước ra sau vào người B, cùng lúc này B lấy tay trái lên đỡ nên bị thương tích bàn tay trái, còn tay phải B cầm đoạn kim loại đánh vào người G. Sau khi bị G chém gây thương tích, B quăng bỏ đoạn kim loại rồi lấy dao để dưới ghế đá trong nhà tiền chế chém lại G, G lùi về sau đến đoạn lộ Đê Quốc phòng trước nhà ông Nguyễn Văn M thì bị B chém trúng vào tay phải làm G rớt dao. Sau đó, B tiếp tục chém bằng bề sống, bề lưỡi dao liên tục vào người G gây thương tích; đến khi G nằm bất tỉnh thì B cầm dao đi về (vị trí G nằm tương ứng vùng vết màu nâu thứ hai được ghi nhận trong Biên bản khám nghiệm hiện trường).

Đối với 01 đoạn kim loại dài 0,97m, đường kính 2,5cm và 01 con dao dài 61cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, mũi nhọn, chiều dài 43,5cm là hung khí B sử dụng gây án và 01 con dao dài 32,5cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, mũi nhọn, dài 21,5cm là hung khí G sử dụng gây án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G tiếp tục tạm giữ để xử lý theo thẩm quyền.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Click, màu đen biển kiểm soát xxHx-xxxxdo Nguyễn Văn P (em ruột G) làm chủ sở hữu; P không biết G sử dụng vào việc gây thương tích và 01 phong bì được niêm phong bên trong có chất màu nâu; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện tiếp tục tạm giữ để xử lý theo thẩm quyền.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2021/HS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đặng Khắc B, Nguyễn Văn G phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s, e khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt Nguyễn Đặng Khắc B 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, nhưng được trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/3/2021 đến ngày 27/4/2021.

Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt Nguyễn Văn G 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, nhưng được trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/3/2021 đến ngày 27/4/2021.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29/6/2021, bị cáo Nguyễn Văn G kháng cáo yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 09/7/2021, bị cáo Nguyễn Đăng Khắc B kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm, bị cáo G giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Bị cáo B bổ sung kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo theo hướng giảm nhẹ hình phạt, cụ thể: áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s, e khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng Khắc B từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G từ 06 tháng đến 01 năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất quan điểm của kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo G hưởng mức thấp nhất của Viện kiểm sát đề nghị là 6 tháng tù cũng đủ sức răn đe, tạo cơ hội cho hai bị cáo sớm đoàn tụ gia đình khắc phục hậu quả cho nhau.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

- Bị cáo B: mong Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và bị cáo G, cho hai bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo G: mong Hội đồng xét xử xem xét giảm án cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo nhanh chóng về cùng gia đình, phụ giúp cha mẹ trong cuộc sống, xin xem xét cho bị cáo B được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của các bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem

là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định rằng: xuất phát từ việc Nguyễn Đặng Khắc B mượn của Nguyễn Văn G số tiền 45.000.000 đồng, G điện thoại cho B đòi tiền nhiều lần nhưng B, G không thống nhất với nhau về cách thức trả tiền nên hai bên xảy ra mâu thuẫn. Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại ấp L, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre, bị cáo G cầm dao đến nhà bị cáo B, dẫn đến hai bị cáo đã dùng dao gây thương tích cho nhau với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích của bị cáo G gây ra cho bị cáo B là 12%, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích của bị cáo B gây ra cho bị cáo G là 52%. Do các bị cáo đã sử dụng hung khí nguy hiểm để gây thương tích cho nhau. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo B phạm “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “dùng hung khí nguy hiểm” theo quy định tại điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp quy định ở điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự; quy kết bị cáo G phạm “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “dùng hung khí nguy hiểm” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định ở điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án đối với các bị cáo là đúng người đúng tội, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo G yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo các điểm b và s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo G 02 năm tù. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo cung cấp một đơn xin xác nhận hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo và vợ đã ly hôn nên phải nuôi con nhỏ và cha mẹ già không còn khả năng lao động. Hiện tại kinh tế gia đình phụ thuộc vào nghề mua bán của bị cáo không còn thu nhập nào khác. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới mà bị cáo được hưởng theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự; đã bồi thường đầy đủ cho bị hại B và được bị hại B cũng yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo; tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại B không lớn chỉ 12%. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất trong khung hình phạt liền kề là phù hợp

nhưng cần cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội trong khoảng thời gian nhất định để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Do đó, kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo B yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo các điểm b, s và e khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 03 năm tù. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo B cung cấp kết quả siêu âm của bà Đặng Thị H là mẹ của bị cáo bị sơ vỡ động mạch chủ bụng; Giấy xác nhận của chính quyền địa phương có nội dung, mẹ của bị cáo đã lớn tuổi nhiều bệnh, bị cáo là lao động chính trong gia đình chăm sóc nuôi dưỡng mẹ; bản thân bị cáo được chính quyền địa phương tặng thưởng giấy khen do đã có thành tích giúp đỡ gia đình chính sách và hộ nghèo tại địa phương; Mẹ của bị cáo cũng được chính quyền địa phương tặng thưởng giấy khen do có thành tích đóng góp cho phong trào thể dục, thể thao tại địa phương. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh tại cấp phúc thẩm mà bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự; đã bồi thường đầy đủ phần trách nhiệm dân sự cho bị hại G và bị hại G yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Vì vậy, cần xem xét chiếu cố giảm nhẹ mức án nhưng phải cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội trong khoảng thời gian nhất định để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Do đó, kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần. Ý kiến của người bào chữa đề nghị xử phạt bị cáo G 06 tháng tù theo như đề nghị của Kiểm sát viên là quá nhẹ nên không được chấp nhận.

[5] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đã đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng Khắc B từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích” là có căn cứ nên được chấp nhận. Đối với quan điểm của kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G từ 06 tháng đến 01 năm tù về “Tội cố ý gây thương tích” là nhẹ nên chỉ chấp nhận một phần.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì các bị cáo không phải chịu do kháng cáo được chấp nhận.

Hồ sơ vụ án thể hiện, Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt chưa trừ thời gian các bị cáo bị tạm giam vào hình phạt tù là chưa đúng quy định của pháp luật nên cần rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đăng Khắc B và Nguyễn Văn G ; sửa quyết định của bản án sơ thẩm.

1.1. Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s, e khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng Khắc B 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích” nhưng được trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/3/2021 đến ngày 27/4/2021. Thời hạn tù còn lại buộc bị cáo phải chấp hành là 02 (hai) năm 01 (một) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.2. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích” nhưng được trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/3/2021 đến ngày 27/4/2021. Thời hạn tù còn lại buộc bị cáo phải chấp hành là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Văn G , Nguyễn Đăng Khắc B không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện G (6b);
- Công an và VKSND huyện G (2b);
- Chi cục THADS huyện G (1b);
- UBND xã P , h. Giồng Trôm (1b);
- Bị cáo (02b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn